

Bản án số: 81/2018/HS-ST.

Ngày: 29-10-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng.

Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoài Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 83/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Nhan Lực V, sinh năm 1999 tại Hậu Giang.

Nơi cư trú: Số nhà 93B/7, ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhan Đ và bà Huỳnh L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/7/2018 đến nay, bị cáo có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị T L, sinh năm 1996, nơi cư trú: Số nhà 93A, đường 2/9, Phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 27/5/2018, tại Phòng trọ số P 002 của nhà trọ KL, địa chỉ số 35, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do Nhan Lục V thuê ở trọ bị hư máy quạt trần, nên V treo lên trần để sửa quạt, trong lúc sửa quạt thì V phát hiện la phong trần nhà có thể tháo gỡ ra được để leo qua phòng P 001, vì vậy V nảy sinh ý định đột nhập phòng P 001 lấy trộm tài sản bàn lấy tiền tiêu xài. Sau đó, V liền tháo la phong trần nhà P 002 ra và treo qua phòng P 001, khi qua phòng P 001 V phát hiện phòng không có người trông coi, trên nệm giường ngủ có một máy Laptop hiệu HP15bs571TU i3, vỏ màu đen có gắn chuột máy tính không dây hiệu Genius, V liền lấy trộm rồi nhanh chóng treo qua phòng P 002 theo đường cũ, về phòng V tháo bỏ đầu kết nối chuột không dây ra để trên nệm giường ngủ của V và đem máy Laptop vừa lấy trộm được gặp một người tên T (không rõ họ, tên, địa chỉ) nhờ T bán được 2.500.000 đồng, khi phát hiện bị mất tài sản chị Nguyễn Thị TL đến trình báo Công an Phường B, thành phố V, tiếp nhận được tin báo Công an Phường B kết hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V tiến hành khám nghiệm hiện trường và xác minh đối tượng, qua khám nghiệm đã thu được đầu kết nối chuột máy tính không dây hiệu Genius mà V bỏ lại trên nệm giường ngủ tại phòng P002, lực lượng Công an đã tiến hành mời V về Cơ quan điều tra để làm việc, qua lấy lời khai và suốt quá trình điều tra V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản

Theo kết luận định giá tài sản số: 83/HĐĐG&TTHS, ngày 08/6/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: Máy Laptop hiệu HP15bs571TU i3 có giá trị là 9.171.000 đồng, tài sản không thu hồi được do không biết được người mua. Chị TL đồng ý với kết quả định giá, nhưng bị cáo chỉ mới bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, còn lại 6.171.000 đồng chị TL yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 79/CT-VKSND-TPV, ngày 28/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, đã truy tố bị cáo Nhan Lục V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi bị cáo nghe Kiểm sát viên đọc xong Cáo trạng bị cáo không có ý kiến gì và đồng ý với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị hại là chị Nguyễn Thị TL có đơn xin vắng mặt và có ý kiến yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 6.167.000 đồng.

Sau khi nghe lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 79/CT-VKSND-TPV, ngày 28/9/2018 mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Nhan Lục V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khi luận tội xong , Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù theo tội danh, điều luật mà Cao trạng đã truy tố đối với bị cáo, về phần dân sự Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bị hại.

Bị cáo không có ý kiến tham gia tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận , bị cáo nói lời sau cùng : *“Bị cáo không có nói lời nói sau cùng”*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự có quy định : *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*. Bị cáo V có hành vi lấy trộm tài sản của chị TL (máy Laptop) có giá trị được xác định là 9.171.000 đồng, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Trộm cắp tài sản”*.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo , lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra , phù hợp với lời khai của người bị hại. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Nhan Lực V về tội *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cố ý xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ , bị cáo lén lút lấy tài sản của người khác , tài sản mà bị cáo xâm hại có giá trị được xác định là 9.171.000 đồng. Ý thức của bị cáo biết rõ hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo cố tình thực hiện làm cho hậu quả xảy ra, bị cáo có đủ năng lực về nhận thức cũng như điều khiển hành vi của bị cáo, nên bị cáo phải chịu hình phạt do hành vi của bị cáo đã gây ra. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội và góp phần ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để cho bị cáo có thời gian học tập , cải tạo và trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này.

[3] Xét về nhân thân của bị cáo , bị cáo không có tiền án, không có tiền sự, khi phạm tội trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho bị hại và đồng ý bồi hoàn thiệt hại theo yêu cầu của bị hại , phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên có căn cứ cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những căn cứ nêu trên , xét thấy Kiểm sát viên đề nghị áp dụng hình phạt cho bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù theo tội danh , điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo là có cơ sở , nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ xem xét , quyết định áp dụng hình phạt cụ thể cho bị cáo trong phần hình phạt . Đồng thời việc đề nghị của Kiểm sát viên về phần dân sự là phù hợp , nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung , theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền . Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp , không có thu nhập , không có tài sản nào khác, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự, theo định giá tài sản là 9.171.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 3.000.000 đồng, còn lại 6.171.000 đồng lẽ ra bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền nêu trên , nhưng trong đơn xin vắng mặt , bị hại chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 6.167.000 đồng và bị cáo cũng đồng ý theo yêu cầu của bị hại , nên buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 6.167.000 đồng là đúng quy định tại các Điều 584, 585, 586, 591 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

[7] Bị cáo còn phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 308.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm , theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nhan Lục V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nhan Lục V - 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 591 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Bị cáo có trách nhiệm tiếp tục bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị TL (bị hại) số tiền 6.167.000 đồng (*Sáu triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*).

3. Về trách nhiệm nộp án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội . Bị cáo Nhan Lục V phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 308.300đ (*Ba trăm lẻ tám ngàn ba trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CC THA DS TP V;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng**